

Kỷ niệm 50 năm chiến cuộc Tết Mậu Thân –

Nhìn lại Bước Ngoặt Chiến Tranh để Giải Ảo Ngụy Sử

Đỗ Kim Thêm

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là một đại bại quân sự của ĐCSVN, vì khả năng chiến đấu tinh nhuệ của QLVNCH chưa bị tiêu hao và toàn thể dân chúng miền Nam không một lòng ủng hộ, nhưng nó đã tạo ra các thắng lợi chính trị tại Hoa Kỳ và công luận thế giới thành một bước ngoặt chiến lược trong chiến tranh Việt Nam.

Với quyết định việc tấn công này, ĐCSVN đã lừa dối đồng bào miền Bắc về ý nghĩa đấu tranh và thực trạng của miền Nam để buộc họ phải hy sinh xương máu cho Đảng. Vi phạm hựu chiến để gây bao đau thương tang tóc cho nhân dân miền Nam không phải là sự lựa chọn sáng suốt để ĐCSVN thực hiện sứ mệnh lịch sử do giai cấp công nhân và nhân dân lao động miền Bắc giao phó.

50 năm trước, MTGPMN tháo chạy nhưng hô hào là chiến thắng và nạn nhân chiến cuộc được trao tặng 8 chữ vàng "Tấn công, nổi dậy, anh dũng, kiên cường." 50 năm sau, bản chất không thay đổi, ĐCSVN lại tự tuyên dương chiến thắng, quên đi bao tổn thất nặng nề và những sai lầm gây tội ác thảm sát. Với những nghịch lý bi đát này, ngụy sử đã không được sáng tỏ mà còn làm trầm trọng hơn.

Thảm sát Xuân Mậu thân là một vết nhơ trong lịch sử của đất nước: Đó là lý do chính đáng để chúng ta không tham gia mừng lễ kỷ niệm 50 năm chiến thắng Xuân Mậu Thân mà tưởng niệm cho những người quá cố của hai miền vì cái chết oan uổng là do các quyết định hiếu chiến, liều lĩnh, thiếu hiểu biết và vô nhân đạo của ĐCSVN trước lương tâm, công luận và lịch sử.

Bối cảnh

Trong tinh thần "Vui Xuân nhưng không quên nhiệm vụ", Quân Dân Cán Chính miền Nam đón Tết Mậu Thân vào ngày 31 tháng Giêng 1968 và hy vọng có được những ngày hưu chiến an lành. Khi cả Sài Gòn còn say ngủ, không ai ngờ, hai chiếc xe hơi mang theo Đội Biệt Động 11 do Ngô Thanh Vân (Ba Đen) chỉ đạo gồm 17 người dừng trước cửa Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ lúc 2 giờ 45 khuya. Chỉ một giây sau họ làm nổ một lỗ lớn của bức tường an ninh rồi đột nhập vào trong khuôn viên và thi nhau bắn xối xả trong không khí tinh sương vắng lạnh. Bị tấn công bất ngờ, đội canh phòng Mỹ-Việt chạy tán loạn. Thừa thế, các cảm tử quân chạy lên các tầng một, hai và ba của Tòa Đại Sứ và lục soát tứ tung. 20 phút sau lực lượng quân cảnh Mỹ mới phản ứng kịp và kêu trực thăng tới tiếp viện. Sáu tiếng đồng hồ sau, cuộc đột kích chấm dứt và quân cảnh Mỹ làm chủ được tình thế với năm người thiệt mạng, gây cho **tất cả các du kích quân tử trận trừ tên đội trưởng bị bắt**. Một phần văn phòng của Tòa Đại Sứ bị thiệt hại nặng.

Không phải Tòa Đại Sứ là địa điểm duy nhất, mà còn Dinh Độc Lập, Đài Phát thanh, Bộ Tổng Tham Mưu, Bộ Tư lệnh Hải quân, Phi trường Tân Sơn Nhất, các cơ quan dân sự của chính phủ Việt Nam Cộng Hoà (VNCH) và các cơ quan quân sự Việt Mỹ khác tại Sài Gòn cũng bị khoảng hơn 4000 binh sĩ khác thuộc Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) và Quân Đội Nhân Dân Việt Nam (QĐNDVN) tấn công. Với một lực lượng 100 tiểu đoàn, ước khoảng 84.000 quân, họ tấn công năm trong số sáu thành phố lớn, 36 tỉnh lỵ trong số 44 tỉnh và các cứ điểm khác của VNCH cùng trong dịp này.

Từ du kích chuyển sang toàn diện, chiến cuộc Tết Mậu Thân cực kỳ đẫm máu làm hoang mang giao động cho toàn dân miền Nam và nước Mỹ và trở thành một trang sử mới của chiến tranh. Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày biến cố tang thương này, bài viết sau đây sẽ trình bày khái quát những diễn tiến trên chiến trường Việt Nam và các tác động chuyển biến cho chính trường và công luận Mỹ với hy vọng sẽ là một đóng góp khiêm tốn trong tinh thần giải ảo ngụy sử cho thế hệ hậu chiến.

Giai đoạn chuẩn bị

Tổng tiến công, Tổng khởi nghĩa hay Tổng công kích là cách gọi chính thức của giới lãnh đạo MTGPMN từ khi thành lập vào năm 1960. Họ nghĩ đến một chiến lược đấu tranh du kích để giải phóng dân tộc theo binh pháp

cổ điển của Mao Trạch Đông: từ rừng núi tiến về nông thôn rồi lấy nông thôn bao vây thành thị. Để đạt mục tiêu này, MTGPMN đã lập nhiều mạng lưới nội tuyến và các toán biệt động thành để tấn công lẻ tẻ vào các thành phố và thủ tiêu các viên chức của VNCH, mà thí dụ điển hình là họ ám sát tỉnh trưởng Vĩnh Long năm 1960 và bắt tỉnh trưởng Phước Thành đem ra đấu tố giữa chợ và treo cổ năm 1961 nhằm gây tiếng vang. Tình trạng an ninh nông thôn tại một vài nơi bắt đầu suy yếu trong khi chính quyền miền Nam đang xây dựng cơ cấu hành chính phối thai.

Sau khi một số tướng lãnh của VNCH đảo chính chính phủ Ngô Đình Diệm, Bộ Chính trị Đảng Lao Động Việt Nam có một cuộc họp vào Tháng Mười hai năm 1963 tại Hà Nội và nhận định là Cách Mạng 1963 và các xáo trộn nội chính liên tục sau đó là một thuận lợi to lớn và tổng khởi nghĩa sẽ là hướng phát triển tất yếu của cách mạng miền Nam để đạt tới toàn thắng. Đến tháng Chín năm 1964, họ chủ trương là phải tiếp tục mở rộng sự kiểm soát tại vùng nông thôn và chuẩn bị tổng khởi nghĩa mà các đô thị sẽ trở thành trọng điểm. Diễn biến chiến trường không thuận lợi như Hà Nội mong đợi.

Từ năm 1965, khi các lực lượng của Quân đội Hoa Kỳ được trang bị tối tân và yểm trợ bằng bằng hỏa lực không quân và hải quân hùng hậu, trận địa chiến theo quy mô kiểu Mỹ khởi đầu lan rộng khắp miền Nam. Trong hai năm 1966 và 1967 các lực lượng Mỹ-Việt thành công trên khắp các chiến trường và kiểm soát được nhiều vùng nông thôn hơn. Vào cuối năm 1967, quân số Mỹ lên đến 486.000. Quân đội Mỹ và các lực lượng Đồng Minh khác sử dụng gần 500.000 quân đã bề bầy các cuộc tấn công của Cộng Sản. Với chiến lược vừa truy tầm và tận diệt của Hoa Kỳ và QLVNCH làm cho MTGPMN tổn thất nặng nề. QLVNCH yểm trợ 54 tiểu đoàn cho 555 toán cán bộ Xây Dựng Nông Thôn (XDNT) bình định và cải tổ dần từng thôn ấp. Trong khi MTGPMN càng khó khăn chiêu dụ thêm các du kích quân tham gia, thì Mỹ không kích tại miền Bắc gây trở ngại cho việc tiếp tế vũ khí và đạn dược.

Trước tình hình này, giới lãnh đạo MTGPMN không còn hy vọng về một cuộc tổng nổi dậy mà phải đối mặt với thất bại không thể tránh khỏi. Tháng 6 năm 1967, Tướng Nguyễn Chí Thanh, Bí thư Trung Ương Cục Miền Nam và Tư lệnh chiến trường miền Nam, được triệu tập ra Hà Nội để chung quyết về một binh pháp mới cho chiến trường để mong lật ngược tình thế. Theo Tướng Thanh, miền Nam không thể áp dụng sách lược của Mao Trạch Đông, vì các tỉnh miền duyên hải trừ Phú Đông dân kéo dài đến tận miền Đông hiểm trở, chỉ có vùng châu thổ đồng bằng sông Cửu Long là có địa hình giống với Trung Quốc. Một cuộc tấn công vào các thành thị miền Nam chỉ khả thi khi dân chúng nội thành hưởng ứng nổi dậy làm cho chính quyền Tổng thống Thiệu sụp đổ; một chính phủ liên hiệp thành hình sau đó sẽ không còn làm người Mỹ có đủ lý do biện minh về sự cam kết của họ. Mỹ không thể mang ảo tưởng chiến thắng bằng quân sự và phải lo chuyện rút quân. Để đúc kết về một binh pháp cho năm 1968, Bí Thư thứ Nhất Lê Duẩn của Đảng Lao Động Việt Nam đi đến quyết định là "*chuyển hướng tiến công vào Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng. Mỹ không còn con đường nào khác, ... Mỹ phải chấp nhận thất bại về quân sự, cô lập về chính trị ... Mỹ sẽ phải rút khỏi miền Nam.*" Trong khi họp, tướng Thanh bị đột tử đầy bí ẩn tại Quân y viện 108 ngày 6 tháng Bảy năm 1967. Có nhiều suy đoán về cái chết này là tướng Thanh bị không kích của B.52 ở vùng Mỏ Vẹt, hoặc bị thanh toán nội bộ vì những sai lầm về binh pháp gây tổn thất nặng nề trong các trận Đức Cơ, An Khê, Pleime, Ia Drang, Sa Thầy, Tây Ninh trong hai năm 1965 và 1966 hoặc vì quá chén tiệc tùng mà bị suy máu cơ tim.

Để thay cho tướng Thanh chuẩn bị tổng công kích, Hà Nội quyết định đưa Tướng Võ nguyên Giáp, người hùng của chiến thắng Điện Biên Phủ, Tổng Tư lệnh QĐNDVN, đảm nhiệm tư lệnh chiến trường miền Nam; phụ tá cho tướng Giáp là Hoàng Văn Thái nắm toàn bộ lực lượng vũ trang năm tỉnh phía Nam Trung bộ và toàn miền Nam và Vũ Nam Long nắm Đặc khu Trị-Thiên. Phạm Hùng làm Tân Bí thư cho Trung Ương Cục miền Nam.

Giai đoạn thực hiện

Công tác nội thành

Ngay từ đầu mùa Thu 1967, MTGPMN đã cho các toán nội tuyến chuyển vô số vũ khí và đạn dược vào các cơ sở nội thành tại miền Nam. Vì các cơ quan an ninh quân sự cũng như dân sự của VNCH đã không kiểm soát được các hoạt động nội tuyến này và tệ nạn móc ngoặc đã làm cho việc vận chuyển vào các thành phố rất an toàn.

Trần Khe Sanh

Diễn tiến: Khe Sanh cách biên giới Lào 20 cây số, là một khu vực hiểm trở gần khu phi quân sự và đường mòn Hồ Chí Minh, có địa hình lòng chảo giống như Điện Biên Phủ. Từ năm 1962, Khe Sanh được Lực Lượng Đặc Biệt Mũ Xanh Hoa Kỳ sử dụng làm nơi xuất phát các phi vụ thám thính đất Lào. Đến năm 1967, có hai Trung Đoàn Thủy quân Lục chiến Mỹ và Tiểu đoàn 37 Biệt Động Quân của VNCH đồn trú với khoảng 6.000 quân, họ có nhiệm vụ kiểm soát các hoạt động của QĐNDVN. Khi vây chặt Khe Sanh vào giữa năm 1967, QĐNDVN có một vài giao tranh nhỏ nhằm gây lạc hướng cho đối phương, đúng theo chiến thuật nghi binh của tướng Giáp.

Ngày 21 tháng Giêng năm 1968, QĐNDVN cho di chuyển hai sư đoàn 304 và 325 chính quy, khoảng 17.500 quân, tấn công Khe Sanh bằng hỏa lực pháo binh nặng nề làm cho kho đạn bị hoàn toàn thiêu hủy và gây thiệt hại trầm trọng các công sự phòng thủ của Mỹ. Trước nguy cơ thất thủ như Điện Biên Phủ, Tướng William C. Westmoreland huy động thêm 15.000 binh sĩ giải cứu và ra lệnh tăng cường kiểm soát các tuyến đường thâm nhập Khe Sanh. Sau đó, tổng số binh sĩ Mỹ-Việt phòng thủ lên đến 50.000. Trước hỏa lực pháo binh dồn dập của đối phương, Tổng Thống Lyndon B. Johnson, từ Toà Bạch Ốc, cam đoan với các binh sĩ đang bị vây là sẽ yểm trợ tối đa và gia tăng các cuộc không kích các khu vực chung quanh Khe Sanh. Ông ra lệnh cho Tướng Earle G. Wheeler, Tổng Tham Mưu Trưởng Liên Quân, phải giữ Khe Sanh bằng mọi giá vì ông không muốn thất bại như trận Điện Biên Phủ. Cho đến cuối tháng tư, Johnson đã ra lệnh ném trên 100.000 tấn bom xuống quanh Khe Sanh, một khối lượng bom lớn nhất lên trên một khu vực nhỏ bé, gây tác hại lâu dài nhất về môi trường.

Trước các phản pháo liên tục của Mỹ, các binh sĩ của QĐNDVN phải tuần tự rút khỏi Khe Sanh, nhưng từ cứ điểm bên kia biên giới Lào họ tiếp tục pháo kích. Từ tháng Sáu năm 1968, họ không còn khả năng uy hiếp như trước, sau khi toàn bộ đã bị đánh đuổi ra khỏi Khe Sanh. Cuối cùng, ngày 6 tháng Bảy năm 1968 lính Mỹ rời Khe Sanh mà chỉ còn hành quân lưu động và tiếp tục ném bom. Khe Sanh thành vùng oanh kích tự do vì không còn giá trị phòng thủ chiến lược. Đến năm 1971, căn cứ Khe Sanh mới được QLVNCH sử dụng lại.

Tổng kết thành tích

Lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh Việt Nam, Khe Sanh là một trận giao chiến ác liệt với cấp số sư đoàn, hỏa lực pháo binh hùng hậu, thiết giáp tối tân và không kích quy mô nhất. Nhưng cho đến nay, không ai có thể kiểm chứng được là ai thắng và ai thua, mà các giải mật về sau cũng không thể soi sáng. Sở dĩ có nhiều lý giải khác biệt là vì hai phe xem tuyên truyền chính trị vẫn là quan trọng hơn quân sự.

- Về ý nghĩa chiến thắng được phe thắng cuộc ca ngợi trên Khe Sanh “mốc son chói ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng” trong khi phía Mỹ cho tới nay cũng cho là “chiến thắng vang dội của quân đội Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam”.
- Về chiến thuật, phe thắng cuộc cho rằng Tướng Giáp dồn lính Mỹ vào Khe Sanh để có thể tấn công các vùng khác, cùng lúc tạo một chiến thắng như Điện Biên và buộc Hoa Kỳ phải đầu hàng. Trong khi Tướng Westmoreland cho là đã tương kế tựu kế để tiêu diệt đối phương, vì Hoa Kỳ có đầy đủ phương tiện hơn Pháp để phòng thủ và tiếp tế cho Khe Sanh trong lâu dài làm cho đối phương đã không chiếm nổi mà còn bị tử vong nặng nề. Nhưng các con số thương vong của hai phía là không chính xác. Phe thắng cuộc dựa vào ước tính sau 170 ngày chiến đấu, nên đã “loại khỏi vòng chiến đấu 11.900 tên địch, bắn rơi 480 máy bay, 120 xe quân sự, thu và phá hủy hàng trăm khẩu pháo” trong khi Hoa Kỳ nói là sau 77 ngày trực chiến đã đã giết tới 15 nghìn người.

Chiến cuộc Mậu Thân

Diễn tiến : Tuân thủ truyền thống cao đẹp của những ngày hưu chiến, nên hơn phân nửa các binh sĩ QLVNCH được nghỉ phép về thăm gia đình, có đơn vị chỉ còn 30% quân số đồn trú. Do đó, QLVNCH không tập trung phòng thủ, nhất là các thành phố. Tổng thống Johnson, Tướng Westmoreland và Tổng Thống Thiệu đều tin mục tiêu chính của CSBV là Khe Sanh và không còn tấn công vào nơi nào khác trong dịp Tết. Theo ước lượng chung, xác suất tấn công, nếu có, là từ 40-60% trong những ngày trước hoặc sau tết.

Đánh giá sai lầm này khởi đầu một trang sử mới cho chiến tranh Việt Nam: năm 1968 trở thành một năm kinh hoàng cho VNCH với ba đợt tấn công của MTGPMN: 30 tháng Giêng đến 28 tháng Ba, 5 tháng Năm đến 15 tháng Sáu và 17 tháng Tám đến 30 tháng Chín trên chiến trường tạo các biến cố dồn dập trong chính trường Việt - Mỹ.

Tại Sài Gòn, MTGPMN thâm nhập tại nhiều địa điểm khác nhau trong thành phố. Dù thiếu chuẩn bị, nhưng ngay sau những hoảng loạn ban đầu, QLVNCH đã có những phản ứng quyết liệt chống trả. Gần 11.000 binh sĩ Hoa Kỳ và QLVNCH đã đẩy lui các cuộc tấn công khốc liệt; cả hai bên dành nhau từng con đường chật hẹp, nhất là khu vực Chợ Lớn. MTGPMN thất bại nặng nề vì không thông thạo địa hình và không có sự bao che của dân chúng như tại nông thôn. Sau một tuần giao tranh dữ dội, đặc biệt nhất là có trực thăng Mỹ yểm trợ đặc lực cho việc tiến chiếm này, MTGPMN bị đánh bật ra khỏi Sài Gòn. Theo một tài liệu chưa được kiểm chứng, kết quả là phía VNCH: 323 tử thương, 907 bị thương; phía CSVN: 5.289 tử thương và 415 bị bắt.

Tại Huế, được nhiều sinh viên và Phật tử thân Cộng hỗ trợ, với lực lượng chính quy hơn 7500 binh sĩ, CSBV đã **chiếm cứ lâu nhất, có nhiều giao tranh khốc liệt và thảm sát dân chúng đẫm máu nhất**. Trong 25 ngày chiến đấu, cả hai bên đều chịu nhiều thiệt hại: VNCH có hơn 4.400 thương vong; phía Mỹ có 147 chết và 857 bị thương, còn Quân Giải phóng mất khoảng 4.000 người, các tài liệu của hai phe phổ biến khác nhau và không chính xác vì khó kiểm chứng. **Hỏa lực pháo binh VNCH yểm trợ tái chiếm và các cuộc chạm súng trên từng đường phố làm các di tích lịch của cố đô bị thiệt hại đến 85 phần trăm**. Số thường dân bị giết khi đi học tập, bị thanh toán theo từng nhà và từng con đường qua hình thức Tòa án Nhân dân và bị chôn sống trên đường tháo chạy lên đến khoảng 6.000 người. Trong số nạn nhân còn có cả những hai linh mục người Pháp dòng Thiên Ân và bốn người giáo sư Đức ở Viện Đại học Huế. Trên 100.000 dân phải di tản. Đến ngày 24 tháng Hai thành phố Huế được QLVNCH tái chiếm trong hoang tàn đổ nát.

Tại **Bến Tre**, hình ảnh giao chiến ít khốc liệt như Huế, nhưng cũng làm cho 451 VC, 60 VNCH, 35 Mỹ tử thương, nhiều thường dân thiệt mạng và bị thương và 50 phần trăm nhà cửa bị hư hỏng. Không có cảnh chôn sống như tại Huế, nhưng việc tái chiếm Bến Tre cũng bi thảm mà một câu nói của Thiếu tá Lục quân Phil Cannella, chỉ huy tái chiếm, đến nay vẫn còn được các phương tiện truyền thông Mỹ trích thuật một cách sai lạc gây tác hại về ngoại vận cho phe Mỹ: "*Chúng ta phải phá hủy Bến Tre để giải cứu cho Bến Tre*". Thực ra toàn văn phải là: **Việt Cộng đã phá hủy thị xã và đó là điều đáng tiếc** ("Vietcong had destroyed the town and that was a shame; it became necessary to destroy the town in order to save it")

Tại các thành phố khác của miền Nam, các cuộc giao chiến cũng có hình ảnh tương tự; dù có địa hình khác biệt, nhưng tựu chung tiến trình là giống nhau. Sau khi bị phe MTGPMN tấn công bất ngờ, QLVNCH phản công mãnh liệt, **toàn thể dân chúng không nổi dậy mà cũng không yểm trợ tiếp liệu, nên cuối cùng, kháng chiến quân thất bại và tháo chạy.**

Tổng kết thành tích

Khác hẳn trận Khe Sanh, thành tích quân sự trong chiến cuộc Mậu Thân nghiêng rõ rệt về phía VNCH mà cả hai phe đều xác nhận. **Lần đầu tiên, QLVNCH đã tỏ khả năng chiến đấu tinh nhuệ trước một cuộc chiến tranh toàn diện.**

- Tướng Earle G. Wheeler đã nhấn mạnh: "**QLVNCH đã kháng cự cuộc tấn công ban đầu với một sức mạnh thần kỳ.**"
- Yves Gras, một tướng lĩnh Pháp, cũng đã viết: "**QLVNCH giữ vai trò chủ yếu trong các trận đánh bẻ gãy cuộc tấn công Tết Mậu Thân.**"
- Tướng Westmoreland nhận xét: "**Trong số 149 tiểu đoàn tác chiến của VNCH có 42 tiểu đoàn cực kỳ xuất sắc và chỉ có 8 tiểu đoàn thuộc loại kém.**"

Tổn thất của phía VNCH thật là thảm khốc: 4.954 sĩ quan và binh sĩ, 14.300 thường dân chết và 25.000 bị thương.

Hoa Kỳ chết 3.895 sĩ quan, binh sĩ và nhân viên, các đồng minh khác chết là 214.

Trên 84.000 nhà cửa bị thiêu hủy và 30.000 hư hại nhẹ làm thiệt hại lên tổng số khoảng 4, 5 tỷ tiền VNCH vào năm 1968. 84 xí nghiệp bị thiệt hại nặng khoảng 4 tỷ, trầm trọng nhất là ngành dệt. Khoảng 670.000 (tài liệu khác cho là 821.000) dân chạy tỵ nạn, trên 200.000 người lâm vào cảnh vô gia cư, đa số không có thể hồi hương lập nghiệp mà sống bất định tại 117 trại tập trung cứu trợ trong thành phố.

Số thiệt hại của lực lượng Cảnh sát là 447 người chết, 758 bị thương và 157 người mất tích.

Tôn thất về phía MTGPMN nặng nề hơn, Tướng Trần Văn Trà đã thú nhận là “... ta không đánh giá đúng về tương quan lực lượng ta địch cụ thể lúc ấy, không thấy hết khả năng còn lớn của địch và điều kiện còn hạn chế của ta, đề ra yêu cầu quá cao sức thực tế ta có...”

Sai lầm này của MTGPMN làm cho khoảng 32.000 thiệt mạng (có tài liệu khác cho là trên 44.000 hoặc dưới 58.000), 64.000 bị thương và 5.800 người khác bị bắt. **Nguyên nhân chính của thảm họa này là vì dân thành phố không hưởng ứng nổi dậy, phần lớn ủng hộ chính quyền VNCH,** phần khác có thái độ trung dung, chỉ tìm cách tránh thiệt hại trong các cuộc giao tranh.

Nhưng quan trọng nhất là sự chống trả anh dũng của QLVNCH và tệ hại nhất là vì các du kích quân không thông thạo địa hình thành phố khi tháo chạy.

Hậu quả là chẳng những tinh thần dân chúng nông thôn mà cả thành phố bắt đầu sa sút và ý thức về nguy cơ sống còn sau chiến cuộc. Tình hình kinh tế miền Nam tệ hại hơn: mưu sinh khó khăn, lạm phát làm cho các mặt hàng hóa lên giá không lường được và chính phủ cũng bắt lực trong việc kiểm soát. Ngược lại, đại đa số thanh thiếu niên tại các thành phố có tinh thần chống Cộng hơn; họ tham gia các phong trào cứu trợ nạn nhân chiến tranh hay nhân dân tự vệ.

Uy tín chính trị của MTGPMN xuống thảm hại vì không còn chiêu dụ kháng chiến quân ở nông thôn vì dân bỏ ra thành thị sinh sống; cán bộ cho cơ sở nội thành thừa thớt; các người thân Cộng bị lộ, nên họ phải rút ra bưng. Nguyễn Văn Linh thú nhận là các cơ sở nội thành bị tiêu diệt hay vỡ nhiều mảng. Cơ sở ngoại thành cũng bị quét sạch vì kế hoạch bình định cấp tốc. Bộ Chỉ huy Thành ủy phải trốn tránh và mất 1 năm 28 ngày mới tới được căn cứ. Dù lui về các căn cứ, nhưng MTGPMN cũng không còn được yên thân vì bị lực lượng quân sự Mỹ Việt truy kích ráo riết, nên thiệt hại nặng nề. Cuối tháng 9 năm 1968, CSVN đã ngừng hoạt động quân sự vì bị tiêu hao và bổ sung không kịp. Tiếp tế khó khăn nhất là ở Tây nguyên, nên giữa năm 1969 lương thực chỉ đủ nuôi bộ đội trong khoảng một tuần. Do đó, CSBV đã phải điều động một sư đoàn và các đơn vị không tác chiến khác “tập kết lần thứ hai” ra Bắc. Thực lực quân sự của MTGPMN không còn và lệ thuộc hoàn toàn vào sự điều động của QĐNDVN.

Dù đại bại về quân sự, nhưng chiến cuộc Tết Mậu Thân đã **đem lại thành công chiến lược cho CSBV tạo nhiều phản ứng kinh hoàng trong chính trường và dân chúng Mỹ,** đánh dấu một điểm chuyển biến mới làm bất lợi cho phía VNCH trong mặt trận truyền thông quốc tế. 1968: Annus horribilis (Năm kinh hoàng) cho chính quyền và công luận Mỹ

Sơ hãi lan rộng

Như thường lệ vào buổi cơm tối của gia đình, dân chúng Mỹ đang xem tin tức thế giới trong ngày 31 tháng Giêng năm 1968 trước màn kính truyền hình. Đột nhiên, các hình ảnh kinh hoàng hiện ra: Toà Đại Sứ Mỹ bị đột kích đẫm máu; thành phố Sài Gòn với cảnh hai phe đánh cận chiến trên từng gốc phố, nhà cửa cháy rụi, dân chúng chạy tán loạn và người xác đầy trên đường phố. Kinh khiếp nhất là cảnh Tướng Nguyễn Ngọc Loan, Tư Lệnh Lực lượng Cảnh Sát, xử tử Nguyễn Văn Lém (Bảy Lốp), ngay tại ngã tư đường Ngô Gia Tự và Sư Vạn Hạnh, gần chùa Ấn Quang. Hình ảnh này được Eddie Addams, một phóng viên Mỹ, chụp đúng lúc và ký giả quốc tế đã đưa lên các phương tiện truyền thông; thế giới khinh bỉ lên án ông Loan là “vi phạm công ước Genève về tù binh” và “tội phạm chiến tranh”.

Thực ra, các hình ảnh khác còn thương tâm hơn mà báo chí và công luận thế giới trước đó và sau này không biết đến, đó là *Bảy Lốp, một hung thủ đã giết nhiều thường dân vô tội, đặc biệt nhất là toàn gia đình của Trung Tá Nguyễn Tuân, một sĩ quan tùy viên của tướng Loan,* trong đó có một người mẹ 80 tuổi. Phản ứng trả thù của Tướng Loan làm cho dân chúng Mỹ phẫn nộ, gây tác động lâu dài trong tâm trí mọi người là phía VNCH quá tàn nhẫn. Nhưng quan trọng hơn, họ tự hỏi tại sao Toà Đại Sứ uy nghi và Sài Gòn hoa lệ không còn an ninh nữa, trong khi con em của họ đang đem sinh mạng ra để ngày đêm bảo vệ cho VNCH và luôn tin là ngày chiến thắng Cộng Sản đã gần kề.

Ngạc nhiên trước biến cố này, Tổng thống Johnson tìm cách xoa dịu lòng căm phẫn của công luận khi tuyên bố là các phản công của các lực lượng Mỹ Việt đã có hiệu quả. Johnson càng trấn an thì càng vô hiệu, khi các phóng viên chiến trường gửi tới tập các bài tường thuật sống động với tràn ngập các hình ảnh của Sài Gòn

đảm máu là khả tín hơn. Uy tín của Johnson xuống thấp từng ngày và đa số bắt đầu bất tín nhiệm ông trong vai trò Tổng Thống. Thăm dò dư luận cuối tháng Hai năm 1968 cho thấy chỉ còn 32 % dân chúng là ủng hộ Mỹ tiếp tục tham chiến.

Suốt ba năm trước đó, Johnson luôn giải thích là VNCH đang kiểm soát được tình hình, loại CSBV ra khỏi vòng chiến, các biện pháp leo thang chiến tranh sẽ giúp cho Mỹ sớm kết thúc chiến tranh, mọi tiến triển không thể đảo ngược và kẻ thù sẽ bị đánh bại. Tướng Westmoreland cho là QLVNCH rất kiên cường và chính phủ VNCH có nhiều hiệu năng, nhưng cả hai cần kết hợp hơn để gia tăng kiểm soát các khu vực nông thôn, đây chính là phương sách buộc MTGPMN đang suy yếu phải đầu hàng.

Vào mùa thu năm 1967, Tướng Westmoreland đã đề nghị tăng thêm quân số, nhưng không hề tiết lộ chi tiết. Tháng Hai năm 1968, ông yêu cầu mở thêm các cuộc hành quân phá vỡ các cứ điểm của CSBV dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh, song hành với việc không kích miền Bắc. Tài liệu giải mật về sau hé lộ là ngày 13 tháng Hai năm 1968, Bộ Quốc phòng Mỹ chấp thuận tăng 10.500 quân, con số quá ít so với yêu cầu. Tại Washington, Tướng Earle G. Wheeler, Tham Mưu Trưởng Liên Quân Bộ Quốc Phòng, chuẩn nhận mọi kế hoạch của Tướng Westmoreland, vì việc huy động các lực lượng trừ bị của Mỹ bị được đề ra từ năm 1967, nhưng còn chờ Johnson chấp thuận.

Để thuyết phục Johnson về một binh pháp mới cho Việt Nam, ngày 21 tháng Hai năm 1968, Tướng Wheeler đến Sài Gòn để tham khảo ý kiến với Tướng Westmoreland. Sau khi quan sát về thành quả của QLVNCH trong chiến cuộc Mậu Thân, cả hai đồng thuận là quân số phải tăng thêm 206.000 người, nhưng quan điểm của Tướng Wheeler không quá lạc quan như Tướng Westmoreland. Khi báo cáo với Tổng thống Johnson, Tướng Wheeler dè dặt cho là tương lai có nhiều triển vọng, nhưng cũng đầy nguy hiểm. Dù đối phương thất bại nặng nề, nhưng nếu khả năng hồi phục nhanh chóng và tinh thần chiến đấu còn cao, thì một cuộc tấn công mới là có thể xảy ra, dù là chuyện khan hiếm. Ông cảnh báo về một thái độ kiên quyết trong việc đòi thêm quân số. Tuy nhiên, Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng McNamara không chấp thuận và Tổng thống Johnson cũng không dứt khoát. Trong dịp này, **Bộ Quốc Phòng cũng thảo luận về triển vọng các cuộc không kích Hà Nội, Hải Phòng và các hệ thống đề điều của miền Bắc.** Johnson bác bỏ các đòi hỏi này và nhất là việc huy động lực lượng trừ bị. Cuối cùng, Tướng Wheeler trình bày để cho Johnson chung quyết: Nếu Tổng thống không chấp thuận tăng 206.000 quân, thì cuộc chiến sẽ còn kéo dài và Mỹ sẽ có nguy cơ thảm bại; nếu chấp thuận tăng quân, thì Mỹ phải huy động lực lượng trừ bị và mở rộng chiến tranh. Báo cáo của Tướng Wheeler có tác dụng như một quả bom cho Toà Bạch Ốc.

Từ 1 tháng Ba năm 1968, Clark M. Clifford đảm nhiệm chức vụ Tổng trưởng Quốc Phòng thay cho Mac Namara. Ngay sau khi nhận được đề nghị của Tướng Westmoreland, ông thấy có khó khăn khi duyệt xét, nhất là không thể biết được mức độ gia tăng quân số và khả năng phòng thủ của đối phương. Trong khi họp bàn, Bộ Quốc Phòng còn đề nghị một chiến lược mới: **Để tìm một lối thoát danh dự, Mỹ sẽ trang bị thêm, giao trọn việc chiến đấu cho QLVNCH và chỉ bảo vệ các thành phố.** Cùng lúc, Mỹ tuân tự **rút quân và thúc đẩy cho VNCH chịu hoà đàm.** Đó là các tiền đề mà sau này Richard Nixon và Henry Kissinger kế tục.

Đứng trước một tình huống nan giải, Johnson cố giữ cho Mỹ thiệt hại ở mức tối thiểu. Trong phiên họp hai ngày 4 và 5 tháng Ba năm 1968, Johnson chấp thuận là Bộ Quốc Phòng cần phải nghiên cứu chương trình Việt Nam Hoá chiến tranh, tạm thời tăng quân số với 22.000 và triển khai các sáng kiến về hoà đàm của Ngoại trưởng Dean Rush. Làm như vậy, Johnson cố tình kéo dài, nhưng Johnson làm vì các chính biến dồn dập kinh hoàng cho nước Mỹ trong suốt năm 1968:

- Ngày 10 tháng Ba năm 1968, New York Times tung tin là "Tướng Westmoreland xin thêm 206.000 quân", gây sôi nổi trong công luận và quốc hội. Để làm sáng tỏ vấn đề, Ngoại trưởng Dean Rush phải ra điều trần tại Thượng viện và công luận có dịp theo dõi nội dung qua trực tiếp truyền hình, tuy nhiên ông không thuyết phục được cả hai. Các dân biểu Quốc hội có một nghị quyết với một tỷ lệ 139 trong tổng số 400, nội dung đòi hỏi là phải có một việc duyệt xét toàn diện chương trình tham chiến của Mỹ tại Việt Nam.
- Khi sợ hải lan rộng, mọi kế hoạch của chính quyền Mỹ luôn bị nghi ngờ, nhất là khó tìm ra ý nghĩa đích thực và quyền lợi sinh tử của Mỹ trong việc thực hiện kế hoạch này, trong khi ảnh hưởng kinh tế và tài chánh của chiến cuộc trở thành một đề tài sôi động.

Biến động thi trường tiền tệ quốc tế:

Trước đây, theo Thỏa ước Bretton Woods từ tháng Sáu năm 1944, tất cả các nước châu Âu, ngoại trừ Pháp, có một nguyên tắc bảo đảm về dự trữ tiền tệ mà các Ngân hàng Trung ương đồng thuận là không sử dụng cách đổi tiền Đô là Mỹ thành vàng; tương thuận này không ảnh hưởng đến các giao hoán trong lĩnh vực tư nhân. Vào đầu năm 1968, chiến tranh Việt Nam tác động thị trường khi giá trị của đồng Đô la trên thị trường tài chính quốc tế giảm trong khi thị trường lãi suất tăng cao. Tình thế đạt tới cao điểm vào ngày 14 tháng Ba năm 1968, khi các ngân hàng thương mại châu Âu bán ra 370 triệu Đô la để đổi lấy vàng, kể cả Banque de France cũng bị ảnh hưởng đến khối lượng ngoại tệ dự trữ.

Do áp lực của Quỹ Dự trữ Liên bang, Johnson không còn cách nào khác hơn là cho đình chỉ áp dụng nguyên tắc bảo đảm đổi Đô la thành vàng. Johnson phải báo động cho các Ngân hàng Trung ương châu Âu về viễn tượng sụp đổ của hệ thống tiền tệ thế giới, mà mức tác hại về chính trị còn trầm trọng hơn là khủng hoảng kinh tế thế giới vào năm 1929. Dù là một quyết định nhất thời, nhưng lại có giá trị biểu tượng là Mỹ không còn đủ khả năng đảm nhiệm các thanh toán quốc tế. Điều này có nghĩa là Mỹ không còn thống trị nền kinh tế thế giới mà khiếm hụt ngân sách do chiến tranh Việt Nam cũng góp phần.

Khiếm hụt ngân sách tăng cao

Nuôi quân Mỹ và kinh viện cho Việt Nam thành một áp lực nặng nề cho ngân sách. Riêng trong năm 1967 kinh phí quốc phòng đã lên đến mức kỷ lục là 20,3 tỷ Đô la và mức bội chi cho chương trình Great Society nhằm phục hồi kinh tế nội địa và phát triển cơ sở xã hội hạ tầng gây lo ngại nhiều hơn. Tình trạng khiếm hụt ngân sách của năm 1967 là 9 tỷ và dự đoán là sẽ lên đến khoảng 25 đến 28 tỷ trong năm 1968. Johnson buộc phải đề nghị tăng thu thuế 10% và kiểm soát gắt gao hơn các biện pháp chi ngân sách. Các chuyên gia kinh tế ý thức về tầm vóc tác hại của khủng hoảng vàng cho Mỹ trong trường kỳ. Đối với dân chúng, hiệu ứng trên thị trường vàng không quan trọng bằng khiếm hụt ngân sách, tình trạng sẽ làm cho chính quyền phải tăng thuế. Cuối cùng, một thoả hiệp với Quốc hội đạt được là giảm chi cho chương trình Great Society là 6 tỷ Đô la và tăng thuế ít hơn.

Không có giải pháp cho Việt Nam

Để tham khảo vấn đề chiến tranh Việt Nam, ngày 26 tháng Ba năm 1968, Johnson triệu tập một phiên họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia mở rộng; trong số khách mời tham dự này còn có Mc Georg Bundy, Georg Ball và Dean Acheson, ba khuôn mặt có uy tín nhất của Mỹ. Từ năm 1967, ba ông đã công khai ủng hộ Johnson không kích miền Bắc và viện trợ quân sự cho miền Nam. Qua lần triệu tập này, Johnson hy vọng được họ tiếp tục hỗ trợ. Acheson, nổi danh là người đề ra chương trình tái thiết hậu chiến với Kế hoạch Marshall và Học thuyết Truman nhằm củng cố vai trò của Mỹ tại châu Âu và Nhật Bản, ông cảm thấy các công trình của Mỹ đang bị đe dọa trước tình hình mới. Đối với Việt Nam, Acheson là ngoại trưởng Mỹ công nhận chế độ Bảo Đại và khởi động cho việc tái thiết Việt Nam trong thời kỳ xây dựng quốc gia. Nhưng ông nhận thấy nay tình hình khác hẳn so với trước đây và các thử nghiệm tại Việt Nam về việc thành lập quốc gia hoàn toàn thất bại.

Kể từ tháng Ba, cả ba đã nhận ra nhiều yếu tố ủng hộ cho Johnson không còn: sau chiến cuộc Mậu Thân thì áp lực của giới phản chiến lên cao, chia rẽ trong Đảng Dân Chủ nặng nề; Quốc hội và công luận chống đối chính quyền rõ rệt; Mỹ suy yếu trong việc lãnh đạo nền kinh tế thế giới và áp lực giới tài phiệt thuộc Wall Street mạnh hơn. Trước tình hình này, ngày 31 tháng Ba năm 1968, Johnson đọc một bài diễn văn bày tỏ thiện chí trước truyền hình với nội dung là sẽ chấp nhận hoà đàm không điều kiện: Mỹ sẽ ngưng oanh tạc miền Bắc từ vĩ tuyến 20. Nếu Hà Nội phản ứng tích cực, ông sẽ bỏ hẳn việc ném bom miền Bắc.

Dù không đề cập đến vấn đề giảm quân số Mỹ đồn trú tại Việt Nam, nhưng ông không cho leo thang chiến tranh và sẽ không ra tranh cử. Ông tuyên bố: *"Accordingly, I shall not seek and I will not accept the nomination of my party for another term as your President."* Nhìn toàn diện, Johnson muốn rời khỏi chính trường và cũng không có giải pháp nào cho Việt Nam. Trong khi Johnson còn chờ đợi Hà Nội phản ứng, thì một loạt biến động kinh hoàng cho nước Mỹ trong năm 1968.

Đông loạn xã hội liên tục

Ngày 16 tháng 3 năm 1968 thảm sát Mỹ Lai gây kinh động cho lương tâm dân chúng Mỹ: Trung úy William Calley hướng dẫn một toán lính Mỹ hành quân, lục soát và giết khoảng 200 dân làng tại khu vực thôn Mỹ

Lai thuộc làng Sơn Mỹ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi; tất cả nạn nhân là trẻ con, phụ nữ và người già. Đây là một biểu tượng thương tâm nhất về tội ác của Mỹ tại Việt Nam, tạo thành một hình ảnh đối kháng rõ rệt giữa lính Mỹ và người Việt, không phân biệt chiến tuyến. CSBV cũng vi phạm luật thời chiến trong việc bảo vệ thường dân, nhưng truyền thông Mỹ ít quan tâm. Ngược lại, thảm sát Mỹ Lai, dù về sau mới được phát hiện và Mỹ có đem ra toà án, nhưng được truyền thông khai thác triệt để nên gây bất lợi cho chính quyền Mỹ trong việc phát huy chính nghĩa yểm trợ cho VNCH.

Ngày 4 tháng Tư năm 1968, James Earl Ray ám sát Mục sư Martin Luther King jr. tại Memphis, Tennessee làm cho làn sóng sinh viên chống đối kỳ thị chủng tộc lan rộng, khởi đầu từ Đại học Berkely, sau đó đến New York và Columbia và Harvard. Cành đốt xe, đốt nhà và hôi của tại các cửa tiệm tại Washington và hàng trăm thành phố khác là hình ảnh tang thương rõ nét. Hai sinh viên da đen thuộc Đại học South Carolina đã bị cảnh sát bắn chết trong cuộc biểu tình. Tổ chức cực đoan Black Panther có nhiều trận giao tranh với cảnh sát tại các thành phố Oakland, California, Cleveland và Ohio. Tình hình trầm trọng hơn làm cho chính quyền phải ra lệnh giới nghiêm. Tổng số có 38 người chết, 3000 người bị bắt và thiệt hại vật chất là 14 triệu Đô la.

Ngày 6 tháng Sáu 1968, Sirhan Sirhan, một người nhập cư gốc Palestine bình tâm thần, giết Nghị sĩ Robert F. Kennedy tại khách sạn Ambassador thuộc Los Angeles. Trước đó, trong các cuộc bầu cử sơ bộ của Đảng Dân chủ tại Indiana và Nebraska, Robert Kennedy thắng Eugene MacCarthy; tại California, Robert Kennedy thắng với tỷ lệ 46% so với MacCarthy là 42%, chỉ thua ở Oregon, kết quả cho thấy là triển vọng thắng cử là thực tế, một hy vọng cho phe chống chiến tranh Việt Nam. Nội tình Đảng Dân chủ bất ổn sau cái chết đột ngột này và dân chúng biểu tình lan tràn trong cả nước.

Ngày 28 tháng 8 năm 1968 trong cuộc vận động tranh cử của Đảng Dân chủ tại Chicago gây xung đột đẫm máu giữa cảnh sát với nhóm sinh viên phản chiến Youth International Party (Yippies), một lực lượng thuộc Students for a Democratic Society (SDS) làm cho hàng trăm cảnh sát và hơn 800 người bị thương; gần 700 người vào tù trong đó có nhiều phóng viên.

Nội tình nước Mỹ cực kỳ rối rắm, nên truyền thông Mỹ không còn quan tâm nhiều đến hậu quả của chiến cuộc Mậu Thân như trước, mà chủ yếu là đòi Mỹ rút quân và ngưng viện trợ cho miền Nam, một bất lợi về ngoại vận cho phía VNCH. New York Times, Boston Globe và Newsweek là ba biểu tượng truyền thông chính chống đối mãnh liệt chiến tranh Việt Nam trong thời gian này. Khi Johnson còn đang hoang mang với nhiều bế tắc, thì ông lại ngạc nhiên khi thấy Hà Nội phản ứng tích cực trước bài diễn văn ngày 31 tháng Ba năm 1968 khi tỏ ý tham gia hoà hội Paris; Hà Nội giúp ông tìm ra một chiến lược mới phù hợp hơn cho tình thế.

Hoà hội Paris trì trệ: Vừa đánh vừa đàm

Hai tháng sau, hoà đàm Paris bắt đầu trước sự quan tâm của báo chí và công luận thế giới. Ngay từ đầu, cả hai phe CSBV và Hoa Kỳ còn đang trông chờ tin vui chiến trượng, mà họ cho là một giải pháp ưu tiên, nên không ai bị áp lực về thời gian và thung dung tiếp tục vừa đánh vừa đàm. Cả hai phe không đề ra một giải pháp cụ thể nào cho việc chấm dứt chiến tranh trong khi các vấn đề phụ thuộc lại chiếm nhiều thời gian trong nghị trình đàm phán. Đó là việc sắp bàn hội nghị theo hình tròn hay vuông hay song song, một vấn đề để công nhận cho VNCH và MTGPMN tham gia hội nghị, mà cả hai còn có nhiều quan điểm dị biệt.

Trong giai đoạn này thì vừa đánh vừa đàm là một giải pháp thích hợp nhất cho Hà Nội. Thực ra, chiến lược này không mới lạ, vì từ đầu tháng Giêng năm 1967, Bộ Chính trị và Hội nghị lần thứ 13 đã chấp nhận lối vừa đánh vừa đàm để mở đường cho tuyên ngôn của Nguyễn Duy Trinh ngày 27 tháng Giêng năm 1967. Nhưng quyết định của Mỹ ngưng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở lên là một thuận lợi tâm lý cho miền Bắc hơn trong khi họ tìm cách chỉnh đốn lại cho cơ sở hậu phương. Thảm bại Mậu Thân làm cho tinh thần binh sĩ xuống đến cực điểm. Với quân số còn lại khoảng 100.000 và với khối lượng viện trợ quân sự của Liên Xô còn tương đối hùng hậu, đó chính là lý do mà Hà Nội còn cho là may mắn, nên họ không nghĩ đến chuyện bỏ cuộc.

Tâm lý của Johnson cũng tương tự. Johnson vẫn chưa nghĩ tới chuyện rút quân và còn hy vọng về một chiến thắng quân sự, nhất là không muốn ô danh lịch sử là một Tổng Thống bại trận. Thực ra, chấm dứt ném bom từ vĩ tuyến 20 trở lên cũng không có kết quả khả quan vì đang trong những tháng có gió mùa và đầy sương mù. Nhưng bù lại, ông tăng việc ném bom gấp ba lần ở các khu vực do MTGPMN kiểm soát. Việc truy tầm và

diệt Cộng trong hai tháng Ba và Tư năm 1969 tại ngoại thành Sài Gòn do các cuộc hành quân bằng bộ binh ở miền Nam cũng có trên 100.000 binh sĩ Mỹ tham gia. Johnson không chủ trương ném bom các căn cứ địa của MTGPMN ở Miền và Lào cũng như miền Bắc trong thời điểm này, về sau nhìn lại, đó là một sai lầm của Johnson.

Trong khi Tướng Westmoreland còn đang thử nghiệm việc sử dụng nhiều đơn vị chiến đấu trong quy mô lớn hơn mà chiến cuộc Mậu Thân là một bài học, thì ngày 22 tháng Ba năm 1968, Johnson quyết định bổ nhiệm Tướng Creighton W. Abrams sẽ thay thế Tướng Westmoreland. Để chiến đấu hữu hiệu hơn, Abrams thay đổi triệt để chiến lược: đội hình quân lực Mỹ sẽ trở thành hình thức đơn vị nhỏ hơn; lập các đơn vị cơ động để đánh cận chiến trong các làng xã, đồng ruộng, núi đồi và vùng sinh lầy.

Chiến dịch Phụng Hoàng và Bình Định cấp tốc

Song song với việc thay đổi binh pháp này, Mỹ bắt đầu huấn luyện cho phía VNCH cách tiêu diệt các cán bộ Cộng Sản nằm vùng qua chiến dịch Phụng Hoàng, một chương trình do William Colby và Robert Komer điều động, dù cực kỳ đẫm máu nhưng thành công vượt bực. VNCH mở rộng vùng kiểm soát làm cho tiềm lực của MTGPMN suy yếu hơn. Tình hình an ninh tại nông thôn cải thiện rõ rệt, nhất là từ khi có Chương trình Bình Định Nông thôn cấp tốc bổ sung. Thực ra, các Chương trình Ấp Tân Sinh và Chiến Lược là một kế hoạch của Robert Bob Thompson, một chuyên viên chống du kích người Anh đề ra, đã có từ năm 1959 do Tổng thống Ngô Đình Diệm áp dụng, với mục tiêu chính là gia tăng kiểm soát dân chúng tại nông thôn, nhưng kết quả không khả quan.

Đến năm 1966, giới lãnh đạo Mỹ triển khai Chương trình Xây dựng Nông thôn (XDNT), một chiến lược và chiến thuật giống như của MTGPMN. Cụ thể là một toán cán bộ khoảng 59 người sẽ thâm nhập từng làng theo hình thức cùng ăn, cùng ở và cùng làm với dân chúng, để tìm cách đem lại an ninh cho xóm làng, một điều kiện đầu tiên cho phát triển kinh tế và thiện cảm chính trị cho chế độ VNCH. Thành quả của các Chương trình XDNT thật là dị biệt. Vì thời gian đào tạo quá ngắn và địa bàn công tác luôn bị thay đổi, các cán bộ XDNT còn có khó khăn trong đấu tranh chính trị với phía MTGPMN và họ luôn tìm cách tấn công liên tục. Nếu năm 1967 hoạt động của các toán XDNT tỏ ra hiệu năng thì chiến cuộc Mậu Thân làm cho 79 cán bộ bị tử thương, 111 bị thương, và 845 mất tích. Số thiệt hại này làm hỏng phần nào các thành quả. Vào cuối tháng 2 năm 1968, chỉ còn 278 toán XDNT hoạt động tại các xã ấp, và 245 toán khác phải rút về lo việc an ninh các thị trấn và thị xã.

Từ đầu hè 1968, cả hai Chương trình Phụng Hoàng và Bình Định cấp tốc hoạt động khởi sắc làm cho MTGPMN tê liệt hoàn toàn. Hành vi tiêu diệt cán bộ Cộng sản nằm vùng quá đẫm máu, nên cũng gây tác động tuyên truyền có lợi cho phía MTGPMN, nhất là trong số nạn nhân cũng có những thành phần thuần túy dân sự và đối lập chính trị với chính quyền của Tổng thống Thiệu. Đến năm 1971, 28000 du kích quân bị tử thương, 20.000 bị thương và 17.000 chiêu hồi.

Trong những tháng cuối cùng của nhiệm kỳ Tổng thống, ngoài việc tăng cường không kích tại các căn cứ của MTGPMN tại miền Nam và mở rộng hoạt động của chương trình Phụng Hoàng, Johnson còn khởi động việc Việt Nam Hoá chiến tranh: Quân số của QLVNCH tăng từ 685.000 lên đến 800.000; các chương trình huấn luyện quân sự được cải thiện và trang bị nhiều vũ khí tối tân. Nếu QLVNCH gia tăng quân số thì việc đào ngũ cũng là vấn đề, vì trong năm 1968 con số lên đến trên 100.000 người. Lần đầu tiên Tướng Abrams đề nghị phối hợp hành quân Việt Mỹ để giúp cho QLVNCH làm quen với binh pháp mới và vũ khí tối tân. Phía Mỹ tỏ ra thất vọng về thiện chí hợp tác của QLVNCH vì tinh thần binh sĩ đang bắt đầu hoang mang về một chính sách tạm bợ của Washington. Tổng thống Thiệu không tin thiện chí của CSBV, tâm lý bị Đồng Minh phản bội càng làm cho ông không quan tâm giải pháp hoà giải, nhưng ông cũng không có một đối sách nào thích hợp, trong khi dân chúng ngóng chờ kết quả của cuộc bầu cử tổng thống Mỹ.

Cuộc bầu cử tổng thống

Mùa vận động sơ bộ để tranh cử tổng thống làm nội tình Đảng Dân chủ giao động. New Hampshire chọn Nghị sĩ Eugene McCarthy đạt tỷ lệ 42% số phiếu, một kết quả vang động ngạc nhiên dành cho một ứng viên chưa nổi tiếng, gây nhiều tranh luận trong Đảng. Mấy ngày sau, Nghị sĩ nổi danh là Robert Kennedy tuyên bố ra tranh cử. Quyết định của cả hai thuộc Đảng Dân chủ làm cho Johnson gặp khó khăn hơn.

Vào giờ chót, Đảng Dân Chủ đề cử Hubert Humphrey ra tranh chức vụ Tổng thống. Ông tuyên bố sẽ kế tục chính sách của Johnson. Đảng Cộng Hoà đưa Richard Nixon ra tranh cử; Nixon nổi danh là thành phần chống cộng cực đoan trong những năm 1950 và cũng tiếp tục tuyên chiến với CSBV. Đối với cử tri chỉ có hai giải pháp là chủ hoà hay chủ chiến, nhưng Nixon gây ngạc nhiên cho công luận hơn khi ông tuyên bố là có mặt kế để kết thúc chiến tranh. Khi bị ký giả hỏi về chi tiết, ông từ chối thổ lộ. Humphrey cũng lần lượt từ bỏ chính sách của Johnson. Thăm dò dư luận cho rằng Humphrey phải chứng minh kết quả cụ thể của các cuộc hoà đàm. Cả hai Nixon và Humphrey đều tỏ ra dè dặt trước công luận trong vấn đề Việt Nam.

Lần cuối cùng, Johnson muốn chứng minh thành quả của mình. Ngày 31 tháng Mười, Johnson tuyên bố sẽ có thương thuyết bốn bên và chấm dứt ném bom toàn miền Bắc. Sau khi bị Liên Xô đã tạo áp lực nặng nề, nên Hà Nội chịu thương thuyết nghiêm chỉnh. Kết quả thăm dò dư luận nghiêng hẳn về phía Nixon: Đa số theo Đảng Cộng Hoà đều đồng ý mở rộng chiến cuộc, trong khi 49% Đảng viên Dân chủ cũng đồng thuận cho việc gia tăng chiến tranh; 59 % giới trẻ cử tri từ 20 cho đến 29 tuổi đồng ý tiếp tục chiến cuộc. Dù thuận theo việc leo thang chiến tranh, nhưng 3/4 dân chúng muốn có hoà bình bằng thoả hiệp ngoại giao, mà không nhất thiết bằng thắng hay bại quân sự.

Về sau, Seymour Hersch và Christopher Hitchens cáo giác rằng trong chuyến đi Paris ngày 18 đến 22 tháng 9 Henry Kissinger nhận được mật tin về cơ hội tái lập hoà bình cho Việt Nam mà Averell W. Harriman và Cyrus Vance đã dày công chuẩn bị và trao lại cho Nixon. Qua trung gian là Anna Chennault, Nixon cho Tổng Thống Thiệu biết là khi thắng cử sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho VNCH thương thuyết hơn là Đảng Dân chủ. Tổng Thống Thiệu vốn dĩ không tin giải pháp hoà đàm, nhưng tin Nixon, nên ông không cử người tham dự hoà hội Paris. Theo Naill Ferguson, cáo giác là không có bằng chứng, vì lúc đó Kissinger không có điều kiện để thu thập nguồn tin về diễn tiến hoà đàm Paris và cũng chưa hợp tác với Nixon. Thái độ nghi ngờ của Tổng Thống Thiệu về thiện chí hoà đàm của CSBV là hợp lý và độc lập. Ngay trước khi bài diễn văn của Johnson được phát hành, Tổng Thống Thiệu đã phản ứng ngay với Đại Sứ Bunker về kế hoạch của Johnson; ngày 2 tháng Mười Một, ông đến Quốc hội VNCH để thông báo quyết định này và được nhiệt liệt ủng hộ. Kissinger và Nixon không hề can thiệp vào quyết định tấy chạy hòa hội của Tổng Thống Thiệu.

Mọi tình toán của Johnson thành sai lạc, việc chấm dứt ném bom chỉ còn còn là một thủ thuật trong lúc vận động tranh cử. Nixon thắng với 43,4%, Humphrey thua với 42,7% và Wallace với 13,5%. Thực ra, đó là một kết quả khá khích khạo khi Nixon không hề có mặt kế nào để kết thúc chiến tranh. Kissinger cũng ngạc nhiên trước chiến thắng này của Nixon. Cả hai không thích gì nhau, nhưng cuối cùng cũng tìm cách hợp tác và một bi kịch mới cho Việt Nam bắt đầu: Mỹ ký kết Hiệp Định Paris để rút quân và phản bội VNCH.

Giải ảo ngục sử Việt Nam

Cho đến nay, chính biến Tết Mậu Thân còn để lại quá nhiều nghi vấn vì phe thắng cuộc tiếp tục tuyên truyền về thành quả chiến thắng và không công bố hết các tài liệu liên quan về tổn thất. Dù một số người trực tiếp tham chiến đã can đảm đưa ra một vài ánh sáng mới trong các bí ẩn cũ, nhưng các tin tức đó không phải là tất cả sự thật. Do đó, trước sự đã rồi của lịch sử, giải ảo ngục sử là một nhu cầu quan trọng. Với thời gian lắng đọng, hiện nay không phải là lúc để những người trong cuộc khơi động lại hận thù hay xí xoá khép lại quá khứ mà là cùng nhau soi sáng sự thật lịch sử giúp cho thế hệ hậu chiến tránh hiểm hoạ trong tương lai.

Tác nhân chủ yếu

Luận điểm thứ nhất được đặt ra là toàn Đảng hay toàn bộ Bộ Chính trị hay ai ra quyết định tấn công vào dịp Tết Mậu Thân.

Dù nội tình là bí sử, nhưng giới am tường chuyện thâm cung có nhận định chung là Bộ Chính trị không phải là một khối ý chí thuần nhất mà tranh chấp quyền lực nội bộ đưa đến việc thanh trừng nhau để giành quyền quyết định mà kết quả là một thiểu số duy ý chí xâm lăng miền Nam nhất quyết tiến hành chiến cuộc Tết Mậu Thân. Thực tế cho thấy trong suốt một thời gian dài, Tướng Giáp luôn tỏ ra là một người biện hộ nhiệt thành cho một giải pháp hòa dịu đối với tình hình miền Nam. Cả hai ông Trường Chinh và Hồ Chí Minh cũng phần nào đồng tình theo luận điểm này, nhưng cả ba không tạo sức ép trong Bộ Chính Trị, trong khi Lê Duẩn có thanh thế hơn khi dựa vào Trung Quốc và luôn mang ý tưởng sử dụng bạo lực cách mạng để giải phóng miền Nam. Xung đột giữa Tướng Giáp với Lê Duẩn trong vấn đề một binh pháp cho miền Nam là cực kỳ gay gắt, nhưng cả hai vốn dĩ đã có nhiều bất hoà khác từ trước.

Không như dự luận thổi phồng về vai trò của Tướng Giáp trong thời kỳ soạn thảo kế hoạch, các sử liệu ghi lại hoàn toàn trái ngược nhau. Có tác giả cho là tướng Giáp không hiện diện ở bất kỳ cuộc họp kế hoạch nào; theo tác giả khác thì ngay từ đầu tướng Giáp phản đối kế hoạch bởi vì không khả thi và phải làm cho lực lượng Mỹ-Việt tê liệt trước khi tổng tấn công. Có tài liệu khác cho là Tướng Giáp chỉ đứng bên lề của Bộ Chính trị CSVN từ tháng 11 năm 1960 cho tới tháng 2 năm 1975; Tướng Giáp có thể vẫn là Bí thư của Quân ủy Trung ương, nhưng trên thực tế đã trao quyền hạn cho tướng Văn Tiến Dũng, Tổng Tham mưu trưởng QĐNDVN, vì tướng Dũng nhận lệnh trực tiếp từ Lê Duẩn. Sau tang lễ của Tướng Thanh, Tướng Giáp đi nghỉ mát dài hạn tại Hungaria, một hình thức bị loại ra khỏi Bộ Chính trị. Mãi tới ngày 29 tháng Giêng năm 1968, tức là hai ngày trước khi trận Mậu Thân nổ ra, thì Lê Duẩn mới cho Tướng Giáp về và xuất hiện trước công luận.

Còn Hồ Chí Minh ở Trung Quốc thường xuyên để trị bệnh vào lúc tuổi đời đã 75, không trực tiếp tham gia kế hoạch. Khi thảo luận, ông Hồ đã phản bác là “kế hoạch của Bộ Chính Trị có thực tế không, phải chú ý đánh lâu dài và làm sao càng đánh càng mạnh, phải bảo đảm hậu cần, chú ý đến việc giữ sức dân, mở rộng chiến tranh du kích và tăng cường trang bị cho du kích quân.” Vì thế, sau khi kế hoạch thành hình, báo cáo của Bộ Chính Trị cho ông Hồ chỉ là hình thức của sự đã rồi. Thư xuân của ông cho chiến sĩ cũng chuẩn bị từ trước. Lập luận bảo thủ lại hãnh diện giải thích tất cả các đồn đoán là đồn nghi binh thành công của miền Bắc dàn dựng để đánh lừa Mỹ và miền Nam.

Dù nhất quyết khởi công, nhưng Lê Duẩn cũng không thể tiến hành vì sau đó có những luồng chống đối mãnh liệt từ những thân tín của Hồ chí Minh, Võ Nguyên Giáp và các giới trí thức khác mà về sau sử gia gọi chung là một phong trào phản chiến của miền Bắc. Trong giới quân sự nổi bật nhất là Đại tá Lê Trọng Nghĩa, ông bị bắt vào đầu năm 1968. Sau đó, có trên 30 sĩ quan theo quan điểm của ông Hồ, ông Giáp và ông Nghĩa đồng loạt bị Trần Quốc Hoàn, Bộ trưởng Công an, bắt. Giới trí thức như Vũ Đình Hùng, Hoàng Minh Chính và nhiều văn nghệ sĩ phản đối cũng bị bắt. Dù họ chống đối trong âm thầm, nhưng bị dập tắt trong tàn bạo. Các biện pháp thanh trừng cho thấy Lê Duẩn cương quyết đập tan mọi bất đồng mà ông quy kết họ là phá hoại chính sách đối ngoại và chống Mỹ cứu nước của Đảng, mà thực ra là về ý chí xâm lăng miền Nam của ông. Nếu so chiếu mức độ khả tín của các tài liệu này thì có thể suy luận là Hồ Chí Minh, Tướng Giáp và Tướng Thanh không phải là tác giả của chiến dịch. Nếu phản bác của Tướng Giáp có sở thuyết phục; Hồ chí Minh còn sức khỏe và đủ bản lĩnh lãnh đạo, thì Lê Duẩn không thể đi đến quyết định Tổng tấn công. Toàn bộ kế hoạch không phải là của toàn Đảng hay toàn Bộ Chính trị mà là một thỏa thuận ngầm giữa tướng Văn Tiến Dũng và Lê Duẩn và trực tiếp điều động toàn bộ về sau còn có thêm Lê Đức Thọ.

Cơ sở quyết định

Luận điểm thứ hai là Lê Duẩn đã quyết định trên cơ sở nào và đâu là thực tế của các lập luận này, mà cả một bộ máy tuyên truyền miền Bắc luôn sùng bái ông là sáng tạo và mưu trí như thần thánh. Khi bắt đầu tổng tấn công, với lực lượng cơ hữu ước khoảng 147.200 quân, ông huy động đến 84.000 cho chiến dịch mà đa số dưới 18 tuổi. Lê Duẩn lập luận là “*Sài Gòn có vài ba vạn đảng viên đang nằm im; quần chúng đã chín muồi muốn nắm chính quyền; hy vọng là sẽ có 300.000 người Sài Gòn cầm súng đánh Mỹ và tất cả các lực lượng phản chiến sẽ theo phe Cách mạng.*”

Mục tiêu của cuộc Tổng tiến công là “tiêu diệt 150.000 lính Mỹ, 300.000 quân VNCH, giải phóng 8 triệu dân miền Nam và giải phóng các thành phố Đông Hà và Quảng Trị, tiêu diệt các căn cứ địch tại Ban Mê Thuột và Kon Tum, và tiến hành các đợt tấn công vào Huế, Sài Gòn, cũng như thủ phủ của nhiều tỉnh. Chiến thắng quân sự này sẽ trở thành các “yếu tố chính trị tác động cho các cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vào tháng 11 năm 1968.” Đó là một nhận định quá mức lạc quan.

Vào đầu năm 1966, từ khi có các cuộc biến động của Phật Giáo miền Trung và các phong trào dân chúng chống Mỹ Thiệu, tình hình xã hội miền Nam phân hoá ngày càng gay gắt. Chủ trương của Phật Giáo là dùng tự thiêu làm suy yếu nền tảng của chính quyền VNCH, nhưng bị dập tan. Để lấp khoảng trống trong đấu tranh tại các đô thị, Lê Duẩn tin rằng bạo lực cách mạng sẽ có khả năng thay thế Phật Giáo và thực hiện được nguyện vọng của dân thành phố. Lê Duẩn thể hiện ý chí thôn tính miền Nam: “*làm sập chính quyền của nó; phải phá hết, phá rất dữ hậu cứ của nó; phải chuyển qua tổng công kích, tổng khởi nghĩa*”. Nhưng tình trạng xã hội miền Nam bất ổn không có nghĩa khả năng chiến đấu của QLVNCH hoàn toàn bị tiêu hao và toàn dân miền Nam nhất lòng theo phe Cộng Sản. Đó là một nhận định sai lầm về nhân tâm, khả năng của đối phương và binh pháp.

Binh pháp cổ điển của Carl von Clausewitz có phân biệt các loại thế của phòng thủ và tấn công. Tấn công là một mục tiêu chiến lược yếu cho các cứu cánh trước mắt trong khi phòng thủ bao giờ cũng là mạnh hơn cho những cứu cánh lâu dài. Muốn dùng tấn công quân sự để đạt cứu cánh chính trị thì cần phải xác định mục tiêu tấn công trong không gian và thời gian cụ thể để tránh tổn hao về nhân lực và hỏa lực, một tiềm lực phải tiết kiệm cho cứu cánh trường kỳ. Lê Duẩn không tiên liệu được tương quan lực lượng và thành quả chiến trường mà đánh liều xem mục tiêu tổng diễn tập trở thành một yếu tố phiêu lưu quân sự để đạt mục tiêu chính trị, đó là nhằm gây phân hoá trên chính trường Mỹ và suy yếu tiềm lực chống Cộng của miền Nam. “Những cuộc nổi dậy tại các đô thị gặp khó khăn và chúng ta buộc phải rút lui lực lượng, thì cũng không vấn đề gì. Đó sẽ chỉ là một dịp cho chúng ta diễn tập và rút ra các bài học kinh nghiệm nhằm chuẩn bị cho sau này. Lực lượng của đồng chí Fidel Castro đã tấn công các đô thị ba lần mới thành công.”

Dùng tấn công để phô diễn quân sự trong khi suy yếu là một sai lầm chiến lược mà bất cứ ai học tập binh pháp cổ điển đều biết đến, nhưng Lê Duẩn không có cơ hội học tập này. **Với trình độ tiểu học và kinh nghiệm công nhân Sở Hoả Xa, nên sai lầm của Lê Duẩn gây tác hại cho bao thế hệ.**

Thay vì phản đối, Tướng Văn Tiến Dũng đồng ý ngay với Lê Duẩn. **Đó cũng là một sai lầm.** Sau này, Tướng Dũng mới can đảm thú nhận: “*Các mục tiêu và các chiến thuật, phương pháp đánh trận, đều vẫn giống như những gì chúng ta đã thực hiện năm trước đó, nhưng thực tế mặt trận cho thấy chúng ta sẽ không thể đạt được các mục tiêu ấy.*”

Tại sao Tướng Dũng không phản bác đúng lúc với Lê Duẩn mà lại đồng tình không điều kiện? Vì ông muốn tranh giành chức vụ với Tướng Giáp và tạo thanh thế với Lê Duẩn, đó cũng là một quyết định phù hợp với trình độ lớp sáu và kinh nghiệm công nhân hăng dật của Tướng Dũng.

Kết luận ở đây là Lê Duẩn nhận tin tức tình báo sai lạc, không có khả năng kiểm chứng, không am tường binh pháp, tổng diễn tập để tìm một cứu cánh chính trị trong một tương lai bất định mà bất chấp hậu quả sát quân khi quyết định ba lần tấn công trong năm 1968. Duy trì ý chí xâm lăng, Lê Duẩn lừa dối đồng bào miền Bắc về thực trạng của miền Nam và đi ngược lại nguyện vọng hiếu hoà của nhân dân miền Nam.

Vì không có lợi ích nào của giai cấp công nhân và nhân dân lao động miền Bắc và mơ ước nổi dậy của người dân miền Nam trong binh biến này, do đó, việc tấn công vào dịp Tết Mậu Thân không phải là sự lựa chọn sáng suốt để ĐCSVN thực hiện sứ mệnh lịch sử.

Địch vận thành công

L luận điểm thứ ba là tại sao phía VNCH lại để cho chiến cuộc xảy ra toàn diện như vậy, mà cụ thể là tại sao một số lượng vũ khí khổng lồ được vận chuyển vào các thành phố một cách an toàn để cho các du kích quân sử dụng; nếu không xảy ra hoặc ít trầm trọng hơn, thì mọi chuyển biến kế tiếp có thể sẽ khác hẳn cho định mệnh của VNCH.

Khái niệm đấu tranh địch vận, một thành tố trong công cuộc giải phóng dân tộc manh nha từ năm 1960 khi thành lập MTGPMN. Từ năm 1965, khi lính Mỹ tràn ngập miền Nam, cảnh ném bom và truy kích của Mỹ là thực tế thương đau làm cho lập luận chống Mỹ cứu nước bắt đầu thu hút cảm tình của người dân hơn. Dù nhân danh thế giới tự do bảo vệ chính nghĩa, nhưng chính phủ Mỹ không đủ biện minh cho vai trò tăng cường an ninh để tái thiết nông thôn. Từ đó, công tác địch vận của MTGPMN bắt đầu thâm nhập được vào trong tất cả sinh hoạt hàng ngày của người dân trong nông thôn cũng như tại thành thị và nhiều cơ quan công quyền VNCH.

Thực ra, nông dân miền Nam không bị bóc lột như trong các xã hội của các nước phương Tây, nhưng họ cũng không thể quá nghèo như nông dân trong chế độ Hợp tác xã của Miền Bắc, nên hình thái đối nghèo, dù có ít nhiều trong mức độ, họ không thể lập luận là muốn tham gia cách mạng để đấu tranh giai cấp. Lý do khác khả tín hơn là đa số nông dân không phải lúc nào cũng ủng hộ cho cách mạng, mà vì họ không có một cách chọn lựa nào khác một cách tự do và có ý nghĩa hơn trước các biện pháp cực kỳ tàn bạo của MTGPMN. **Dân thành phố cũng không dành nhiều thiện cảm, vì đời sống tương đối sung túc, có trình độ và nhiều an ninh hơn.** Thái độ hỗ trợ thường là bao che cho thân nhân tập kết theo Cộng sản hoặc muốn yên thân mà thờ ơ trước các biến chuyển của thời cuộc: Họ không ý thức là mình đang làm suy yếu miền Nam trước hiểm hoạ xâm lăng của Cộng Sản.

Dù có thuận lợi là được trang bị vũ khí tối tân, nhưng phía VNCH dần dà **thất bại trong việc thu phục nhân tâm** với nhiều lý do khác. Trong khi cấu trúc của chính quyền còn phôi thai và cần nhiều thời gian và nỗ lực để xây dựng, nhưng giới lãnh đạo lại không tìm ra một khái niệm phù hợp để có thể đấu tranh chính trị với đối phương. Ý thức về một thể chế cộng hoà và dân chủ cũng chưa được phổ biến qua chương trình giáo dục công dân. **Sau cuộc đảo chính 1963, tình trạng chung của miền Nam là bất ổn chính trị liên tục, các chính phủ không đoàn kết và hiệu năng**; bộ máy hành chính quá nặng nề, sinh hoạt công quyền đều lệ thuộc vào tham nhũng, đặc điểm chính của sự phân hoá chính trị là vì tinh thần kỳ thị địa phương và dị biệt tôn giáo đã có từ lâu đời; tất cả các yếu tố này làm xã hội ung thối và gây thuận lợi cho Cộng sản nầy mầm, đặc biệt nhất là ở những tỉnh mà Cộng Sản đã có sở từ trước như Thừa Thiên, Bình Định, Quảng Ngãi, Tây Ninh, Kiên Giang, Bến Tre và Cà Mau.

Ngoài những người thờ ơ với thời cuộc và bao che cho thân nhân theo phe Cộng Sản, MTGPMN còn móc nối được một thành phần mới hoạt động tích cực hơn trong công tác tình báo, được dân miền Nam gọi chung là ăn cơm Quốc Gia thờ ma Cộng Sản. Họ là các giới trí thức, nắm những chức vụ cao cấp trong chế độ VNCH mà lại trực tiếp hay gián tiếp làm việc cho MTGPMN trong tinh thần chống Mỹ cứu nước. Nhờ có một mạng lưới nội gián dày đặt tại các cơ quan đầu não như Phủ Tổng Thống (Vũ Ngọc Nha, Huỳnh văn Trọng), Bộ Quốc Phòng (Nguyễn Hữu Hạnh), Toà Đại Sứ Mỹ (Phạm Xuân Ẩn) và Quốc Hội (Đình Văn Đệ) mà MTGPMN theo dõi và nhận được trực tiếp các kế hoạch tuyệt mật của VNCH. Làm việc gián tiếp khi họ tạo ra những người tổ chức cho các phong trào quần chúng đòi hỏi công bình xã hội, kêu gọi hoà bình, tự do tôn giáo, báo chí và dân chủ. Cả hai thành phần này đã làm vô hiệu hoá phần nào các nỗ lực chống Cộng của miền Nam. Một thiểu số sinh viên miền Nam đi du học cũng vì các lý do khác nhau mà trở cờ góp phần cho tiếng nói phản chiến ở các nước phương Tây.

Tất cả diễn biến trong giai đoạn này cho thấy là chế độ VNCH quá yếu về dân vận, tình báo và phòng vệ. Cụ thể là trường hợp chính quyền tỉnh Thừa Thiên không báo cáo hết sự thực về tình trạng an ninh trong tỉnh. Khi chính quyền tỉnh Bình Định bắt được những tài liệu tổng khởi nghĩa trong đó có cả máy ghi âm sẵn lời phát thanh kêu gọi dân chúng và báo cáo lên Tướng Vĩnh Lộc, thượng cấp của Bộ Tư lệnh Vùng II Chiến thuật, nhưng không quan tâm. Dù hô hào tinh thần "Vui Xuân nhưng không quên nhiệm vụ", nhưng đa số đơn vị ứng chiến không đầy đủ. Thí dụ như tại Quảng Ngãi, quân số một Tiểu đoàn thuộc Sư Đoàn II Bộ Binh ứng trực vào ngày mùng Một Tết chỉ vỏn vẹn 50 người, tức chưa đầy hai trung đội, riêng ở Cần Thơ hay Bến Tre quân số ứng trực chỉ khoảng 30 phần trăm.

Nếu phá vỡ được các mạng nội tuyến và ứng chiến cao độ, thì phe VNCH có thể tránh được tình trạng khốc liệt bất ngờ của chiến cuộc, nhưng cuối cùng là chuyện sai phạm cực kỳ nghiêm trọng đã đến và tạo cho chiến cuộc xảy ra với bao hệ lụy từ trong nước cho đến quốc tế.

Thăm sát tại Huế

Luận đề cuối cùng là tại sao lại có khoảng 6.000 nạn nhân, (có tài liệu khác cho là 8.000) bị thăm sát tại Huế. Họ là những nhà tu hành, sinh viên, học sinh, thường dân, quân nhân và công chức đã chấp hành lệnh trình diện để học tập về chủ trương chính sách của MTGPMN. Ai chịu trách nhiệm cho những cái chết này? Dĩ nhiên, không một ai, vì những người có trách nhiệm đều cho là mình vô tội. Vô tội nhất là Tướng Giáp, không phải vì ông nghỉ dài hạn ở Hungaria, mà ông cho rằng: "*Chúng tôi không dính gì tới chuyện đó, mà do MTGPMN thực hiện*", khi ông được hỏi trong một cuộc phỏng vấn vào năm 1969 là ai tổ chức tổng tấn công Tết Mậu Thân tại Huế.

Nhất định cũng không phải là do MTGPMN, vì nhiệm vụ của họ là cao cả khi chiếm đóng; họ tuyên bố là Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng Thừa Thiên Huế ra đời để đảm nhận trách nhiệm vinh quang của chính quyền nhân dân và thành phố. Vào ngày 3 tháng 3 năm 1968 họ tuyên dương thành tích là không có thương dân vô tội mà là đã giết nhiều tên địch, diệt sạch những kẻ ác ôn, đặc biệt giải phóng toàn đất nước, thiết lập chính quyền cách mạng và mở rộng sự đoàn kết dân tộc để chống Mỹ và bảo vệ tổ quốc.

Sau khi chính quyền VNCH khám phá hàng loạt các mô chôn tập thể, thì trong bằng tuyên bố vào ngày 27 tháng Tư năm 1969 MTGPMN cũng cho là chính phủ bù nhìn tại Huế đang đóng trò khôi hài dựng lên cái gọi là uỷ ban để tìm kiếm và mai táng cho những tai sai còn đồ, những người mang nợ máu với đồng bào và những kẻ bị quân đội và người dân miền Nam thủ tiêu vào đầu Mùa Xuân Mậu Thân.

Cho đến nay, MTGPMN luôn phủ nhận trách nhiệm về cuộc thảm sát, đó là sản phẩm tưởng tượng khuếch đại của một cuộc tâm lý chiến Mỹ Ngụy. Số thường dân bị giết là do hỏa lực trong nỗ lực tái chiếm địa bàn của Mỹ cùng sự trả thù của phía VNCH lên những người theo MTGPMN.

Có phải Mỹ Ngụy là đao phủ thủ cho các nạn nhân trong các hố sâu, tay bị trói bằng giây điện, giây tre, bị đâm bằng lưỡi lê, bị đánh bằng cán cuốc, bị bắn bằng súng hoặc bị chôn sống? Hung thủ là ai?

Một bi kịch cho Huế. Chính một số người Huế như Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân và các đồng chí của họ đã tạo ra một bi kịch cho họ và cho Huế. Họ nhân danh là Phật tử quyết tử chống Mỹ cứu nước lại giết người Huế mà họ cho là tay sai Mỹ-Ngụy. Trước đây, họ là trí thức, sinh viên và học sinh tham gia trong những cuộc biểu tình chống chính phủ, bị an ninh đàn áp quá mức và không còn đất sống, nên họ đành phải thoát ly, nay trở về vì tư thù giết người quen mà họ cho là có tội ác với nhân dân. Sau này, dù bị tố cáo đích danh với các bằng chứng, nhưng họ phủ nhận là không có mặt ở Huế và giết người. Dù sát máu để chứng tỏ lòng trung thành, nhưng họ không được Cộng Sản trọng dụng, một bi kịch mà 50 năm sau họ vẫn chưa sám hối, nhưng bia miệng ngàn đời của thế gian sẽ không bao giờ tha thứ cho họ với những ô danh. Còn ai có can đảm giải oan cho họ? Không một ai. Việc sử dụng vũ khí hạng nặng của Mỹ và VNCH tại Huế chỉ hủy hoại hầu hết các di tích lịch sử và giết người từ xa, không thể chôn sống hay thanh toán những người quen biết trong từng khu vực.

Thực ra, không chỉ là một chuyện tư thù, vì mục tiêu CSBV là cướp chính quyền, nên khủng bố và thảm sát tập thể là phương tiện bạo lực cách mạng để phá hủy bộ máy của chính quyền VNCH. Theo một tài liệu, có hơn 3.000 người trong chính quyền bị giết. Thảm sát với quy mô "790 hội viên các Hội đồng tỉnh, 1892 nhân viên hành chính và 38 cảnh sát" thì bộ máy chính quyền Huế không thể tồn tại, vì tái lập cơ cấu hành chính có hiệu năng không thể dễ dàng với những thành phần nhân sự tân tuyển thiếu kinh nghiệm. Theo một tài liệu khác, MTGPMN đã có sẵn một danh sách 22 trang đánh máy liệt kê các mục tiêu cần tiêu diệt và nhờ côn đồ địa phương tiếp tay thực hiện.

Ai gây nên các mồ chôn tập thể? Một sản phẩm tưởng tượng do Mỹ Ngụy khuếch đại? Không, đó là một sự thực thương đau dành cho những người có tai còn nghe và có mắt còn thấy. Trong 25 ngày chiếm đóng, MTGPMN có đủ điều kiện để bắt người trình diện học tập, giết một cách tùy tiện khi tỏ ra chống đối và còn bắt người làm phu khuôn vác hoặc bia đỡ đạn. Khi bị đối phương truy kích, họ phải rút lui và không thể mang theo tất cả, nên họ phải thủ tiêu để tự vệ bằng cách buộc nạn nhân đào hố, sau đó là trói thúc ké tay chân, quăng xuống hố rồi lấp đất lại. Chôn sống người là thượng sách vì không làm lộ mục tiêu, không còn gánh nặng, tiết kiệm đạn dược và bảo vệ cho cơ sở: khi cán bộ nằm vùng địa phương đã lộ mặt, thì việc tàn sát dân chúng là một cách bịt miệng hay nhất để tránh tố giác về sau cho VNCH.

Ai ra các quyết định này? Lê Minh, người lãnh đạo tấn công Huế, chạy tội. Ông cho là một tình huống ngoài tầm kiểm soát, các đơn vị đã đơn phương hành động để thoát thân, không ai ra một lệnh nào cho bất cứ ai và cũng chỉ lấy làm tiếc trong muộn màng.

Giống như Lê Duẩn, Lê Minh tin là khi chiếm Huế, người dân sẽ nổi dậy chạy theo phe của MTGPMN, chuyện đã không xảy ra. Khi tháo chạy, họ gây thảm sát bao thường dân vô tội, chuyện họ không thể quyết định và kiểm soát. Không minh xác những sai lầm này, họ đã xúc phạm về nỗi đau của các nạn nhân; nhưng trớ trêu nhất là sau này, nhiều nạn nhân được phong làm liệt sĩ, vì có công đóng góp xương máu cho cách mạng thành công. Đó là các nạn nhân tạo lịch sử của người phiêu lưu quân sự, thiếu sáng suốt, đạo đức giả và vô nhân đạo.

Lịch sử của Huế vẫn tiếp diễn với những nghịch lý bi đát: Khi xưa, CSBV đại bại và tháo chạy bằng thảm sát, nhưng hô hào là chiến thắng và nhân dân Trị Thiên Huế bị chôn sống lại được Đảng trao tặng 8 chữ vàng "Tấn công, nổi dậy, anh dũng, kiên cường."

Do bản chất không thay đổi, rồi 50 năm sau, chính quyền cho tổ chức Hội thảo khoa học cấp quốc gia "Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 bước ngoặt quyết định và bài học lịch sử" vào ngày 29-12-2017, nhưng không soi sáng sự thật lịch sử, chỉ là tuyên dương chiến thắng và hoàn toàn quên đi các tổn thất và thảm sát, nên nạn nhân đã không được làm sáng tỏ mà còn làm trầm trọng hơn.

Kết luận

Dù những vinh quang chiến thắng của QLVNCH và những đoạn trường tháo chạy của MTGPMN trong binh biến Mậu Thân đã thuộc về quá khứ, nhưng chúng ta nên nhìn lại bài học lịch sử này và cần tỉnh thức:

- Một là, Đảng đã không có và sẽ không thể đào tạo được những nhà Sử học chân chính có tầm vóc quốc gia và quốc tế. Đảng tiếp tục dành độc quyền tuyên truyền thành tích và ban phát chân lý lịch sử. Do đó, nguy sử không hề thay đổi nội dung.
- Hai là, dù không còn miệt thị nguy quân và nguy quyền, nhưng Đảng vẫn không theo một khảo hướng khách quan để đánh giá về bản chất chiến tranh và thành tích của hai phe: Đảng khinh thường QLVNCH là lính đánh thuê và chính quyền miền Nam là tay sai cho Mỹ trong khi ca ngợi QĐNDVN và MTGPMN đấu tranh cách mạng là hy sinh xương máu thay cho Liên Xô và Trung Quốc; 500.000 lính Mỹ hiện diện tại miền Nam là xâm lược, trong khi hơn 100.000 lính Trung Quốc (có tài liệu khác cho là dưới 300.000) đồn trú tại miền Bắc cần ếm nhem. Hơn 1 triệu 1 binh sĩ miền Bắc hy sinh để Đảng hãnh diện vì chiến thắng và 330 ngàn binh sĩ miền Nam nằm xuống mà Đảng thóa mạ vì đánh thuê. Không. Đảng nên tỉnh thức là xương máu của người dân hai miền quý giá như nhau và họ chỉ là nạn nhân trong bối cảnh xung đột của Chiến tranh Lạnh. 74 chiến sĩ Hải Quân QLVNCH không là lính Ngụy đánh thuê cho Mỹ, khi họ hy sinh anh dũng để bảo vệ chủ quyền Hoàng Sa. Đó là một sự thật của 44 năm trước Tuy nhiên, nay thay vì làm lễ tri ân, Đảng lại can đảm cho huy động an ninh, dân phòng quấy phá và thản nhiên cho phép Trung Quốc mang đoàn ca nhạc sang trình diễn trong dịp tưởng niệm.
- Ba là, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 đã không đi vào chính sử dân tộc như một bản hùng ca sáng chói mà là một cuộc diễn tập phiêu lưu để mưu tìm ảnh hưởng chính trị tại Washington trong khi khả năng chiến đấu của QLVNCH chưa bị tiêu hao và toàn thể dân chúng miền Nam không một lòng ủng hộ. Quyết định này không phải là sự lựa chọn sáng suốt để thực hiện công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mà giai cấp công nhân và nhân dân lao động miền Bắc giao phó như một sứ mệnh lịch sử. Nhân dân hai miền không ai có thắng lợi cụ thể nào trong binh biến này mà chỉ có Đảng lừa dối đồng bào miền Bắc về ý nghĩa đấu tranh, thực trạng của miền Nam và gây bao tang tóc cho nhân dân miền Nam bằng cách vi phạm hựu chiến.
- Bốn là, dù có chiến đấu oanh liệt, nhưng chiến thắng của QLVNCH trong Xuân Mậu Thân 1968 không thể bảo vệ được miền Nam, vì tương lai của chiến trường Việt Nam hoàn toàn do chính trường Mỹ định đoạt. Suy yếu về dân vận và ngoại vận nên VNCH không phát huy chính nghĩa; tham nhũng và độc tài làm cho nền tảng xã hội miền Nam lung lay; Hiệp định Paris cho phép QĐNDVN ở lại miền Nam tiếp tục chiến đấu trong khi Mỹ rút quân, Mỹ cắt giảm quân viện nên QLVNCH không còn phương tiện và tinh thần chiến đấu, hậu quả của Watergate làm Nixon từ chức: Tất cả các chuyển biến dồn dập sau năm 1968 làm cho CSBV không mạnh hơn nhưng may mắn hơn, trong khi VNCH suy yếu và bất hạnh hơn. Cuối cùng, một kết cuộc bi thảm không thể tránh: toàn dân đại bại vào năm 1975.
- Năm là, thảm sát Mậu Thân là vết nhơ trước lương tâm, công luận và lịch sử cho ĐCSVN vì quyết định hiếu chiến, liều lĩnh, thiêu hủy biết và vô nhân đạo. Đó là một tang chung cho toàn dân tộc, một lý do chính đáng để chúng ta không tham gia mừng lễ kỷ niệm 50 năm chiến thắng Xuân Mậu Thân mà tưởng niệm cho các những người của hai miền đã nằm xuống; họ phải chết oan uổng và không còn cơ hội để nhận ra ý nghĩa đích thực của sự hy sinh xương máu và thảm họa diệt vong của đất nước

Cuối cùng, chúng ta tin là bia miệng thế gian còn truyền tụng và lương tâm xã hội còn vang động với thời gian về cuộc thảm sát này. Hy vọng là sự thật của lịch sử sẽ làm cho thế hệ hậu chiến tránh hiểm họa này trong tương lai. Nhờ toàn dân tỉnh thức, may ra, tất cả sẽ làm nên một trang sử mới cho dân tộc.

Dr. Đỗ Kim Thêm L.L.M; M. A: Non Governmental Advisor, International Competition Network (ICN); Research Associate International Competition Law and Policy, United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD). Bài viết không phải là quan điểm của ICN và UNCTAD mà là ý kiến cá nhân; những số liệu còn đang kiểm chứng; các chú thích, trích dẫn và thư mục tham khảo sẽ được bổ sung khi bài viết này in thành sách.

Sách mới xuất bản của tác giả tại Amazon
Global Governance of Competition Law and Policy: Key Issues
Hòa Bình Theo Quan Điểm Của Immanuel Kant Và Phật Giáo

Quan Điểm Của Phật Giáo Trước Các Vấn Đề Hiện Đại
Nhà Nước Pháp Quyền: Kinh Nghiệm Quốc Tế về Lý Thuyết và Thực Tế